

Số: **774/2020/QĐ-PT**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Dũng

Ông Lê Thọ Viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Thị Mai Hương, Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 144/2019/QĐST – KDTM ngày 18-9-2019, Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào Điều 159, điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12 và Điều 30 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” giữa:

- *Nguyên đơn:* Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P; Trụ sở: Tầng 21-22 Tòa nhà M, số 229 Phố S, quận Đ, TP.Hà Nội.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ C; Trụ sở: 235 T, phường B, Quận M, TP.Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo nộp ngày 01/10/2019, của nguyên đơn - P với lý do theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 159 Bộ luật Dân sự 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011, "tranh chấp về quyền sở hữu; tranh chấp đòi tài sản do người khác quản lý, chiếm hữu; ... thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện". Trong hồ sơ khởi kiện P yêu cầu thanh toán tiền phí bảo hiểm mà Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ C (gọi tắt là Công ty C) còn nợ, chứ không tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm này. P đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo điều khoản của hợp đồng và Công ty C cũng đã có công văn xác nhận khoản nợ với P và đề nghị hoãn thời hạn nộp phí bảo hiểm nhiều lần. Do đó, việc cấp sơ thẩm dựa trên các quy định về thời hiệu khởi kiện hợp đồng bảo hiểm của Luật kinh doanh bảo hiểm là 03 năm để ban hành Quyết định đình chỉ vụ án là không đúng, nên đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên.

Tại văn bản gửi Tòa cấp phúc thẩm ngày 27/5/2020 của người đại diện P nêu ý kiến bảo lưu quan điểm như đã nêu tại đơn kháng cáo đồng thời bổ sung các tài liệu chứng cứ là bản photocopy gồm: Công văn số 157/11-CV/CB ngày 02/12/2011 của Công ty C gửi Công ty P; Công văn số 119/11-CV/CB ngày 30/10/2011 của Công ty C gửi Công ty P; Biên bản làm việc ngày 20/10/2011 giữa Công ty C và Công ty P; Thông báo thu phí kỳ 3/2011 ngày 15/10/2011 của Công ty P gửi Công ty C; Công văn

số 124/11-CV/CB ngày 11/10/2011 của Công ty C gửi Công ty P; Công văn số 672/SGO-2011 ngày 06/10/2011 của Công ty P gửi Công ty C; Văn bản ghi ngày 23/8/2011 “v/v xác nhận công nợ đến ngày 23/8/2011” và được Công ty C xác nhận ngày 24/8/2011; Văn bản ghi ngày 15/8/2011 “v/v xác nhận công nợ đến ngày 23/8/2011 và được Công ty C xác nhận ngày 24/8/2011.

Tại văn bản gửi Tòa cấp phúc thẩm ngày 28/05/2020 của người đại diện Công ty C thừa nhận các chứng cứ do P xuất trình gồm: Thông báo thu phí bảo hiểm cho GCN bảo hiểm số 11/SGO/NV1/1212/0009; Thông báo thu phí bảo hiểm cho GCN bảo hiểm số 09/SGO/NV1/1212/0009 và số 10/SGO/NV1/1212/0006; chỉ thừa nhận các chứng cứ là bản photocopy do P nộp gồm Công văn số 124/11-CV/CB ngày 11/10/2011 của Công ty C gửi Công ty P; Văn bản ghi ngày 23/8/2011 “v/v xác nhận công nợ đến ngày 23/8/2011” và được Công ty C xác nhận ngày 24/8/2011; Văn bản ghi ngày 15/8/2011 “v/v xác nhận công nợ đến ngày 23/8/2011 và được Công ty C xác nhận ngày 24/8/2011. Đối với các chứng cứ là bản photocopy khác do P nộp thì Công ty C không thừa nhận. Đồng thời, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 257 Bộ luật Hàng Hải năm 2005, nay là Điều 336 Bộ luật Hàng Hải năm 2015, quy định “Thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải là 02 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp;” để xác định P đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm đối với Công ty C.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của P, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 144/2019/QĐST –KDTM ngày 18-9-2019, Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

[1] Đơn kháng cáo của P còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của P về xác định quan hệ pháp luật giải quyết tranh chấp:

Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm P (gọi tắt là P) khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ C (gọi tắt là Công ty C) đề yêu cầu thanh toán tổng số tiền công nợ phí bảo hiểm của các năm 2009 và năm 2010 là: 30.005,77 USD, phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I) số: 09/SGO/NVI/1212/2009 ngày 10 tháng 02 năm 2009 và 03 giấy chứng nhận bảo hiểm là: Giấy chứng nhận bảo hiểm P&I số 09/SGO/NVI/1212/0011, số 10/SGO/NVI/1212/0006, số 11/SGO/NVI/1212/0009.

Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm” là đúng thẩm quyền và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12.

Phía người đại diện P cho rằng cần căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 159 Bộ luật Dân sự 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011, để xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp về quyền sở hữu; tranh chấp đòi tài sản do người khác quản lý, chiếm hữu...” là không phù hợp. Do vậy, yêu cầu kháng cáo này của P không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo về áp dụng thời hiệu khởi kiện:

[3.1] Về căn cứ pháp luật để xác định thời hiệu khởi kiện

Căn cứ quy định tại Điều 225 Luật hàng hải năm 2005, thì Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I) số: 09/SGO/NVI/1212/2009 ngày 10 tháng 02 năm 2009 là Hợp đồng bảo hiểm hàng hải; hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định của Luật Hàng hải năm 2005 nên có hiệu lực.

Đồng thời, căn cứ quy định tại Điều 257 Luật hàng hải năm 2005 thì “thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải là hai năm, kể từ ngày phát sinh tranh chấp.”

Việc cấp sơ thẩm áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện tại Điều 30 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 là không phù hợp.

[3.2] Về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện:

Văn bản ghi ngày 23/8/2011 “v/v xác nhận công nợ đến ngày 23/8/2011” do nguyên đơn xuất trình thể hiện nội dung Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ C xác nhận còn nợ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P số tiền phí bảo hiểm là 16,754.59 USD và số tiền 7,48713 USD.

Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào văn bản này để xác định ngày 23/8/2011 là “thời điểm cuối phát sinh tranh chấp” nhưng không lý giải đó là tranh chấp về vấn đề gì, tranh chấp như thế nào; đồng thời xác định ngày 23/8/2011 là mốc để tính thời hiệu khởi kiện kể từ ngày tiếp theo là không có cơ sở pháp luật và không đúng quy định tại Điều 257 Luật hàng hải năm 2005.

Công ty C thừa nhận còn nợ P tổng số phí bảo hiểm là: 30.005,77 USD, căn cứ theo Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I) số: 09/SGO/NVI/1212/2009 ngày 10 tháng 02 năm 2009 và các thông báo thu phí bảo hiểm của 03 giấy chứng nhận bảo hiểm sau: Giấy chứng nhận bảo hiểm P&I số 09/SGO/NVI/1212/0011, số 10/SGO/NVI/1212/0006, số 11/SGO/NVI/1212/0009. Đây là tình tiết đã được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình kèm theo văn bản nêu ý kiến ngày 27/5/2020 và được bị đơn xác nhận gồm có Công văn số 124/11-CV/CB ngày 11/10/2011 của Công ty C gửi Công ty P; Văn bản ghi ngày 23/8/2011 “v/v xác nhận công nợ đến ngày 23/8/2011” và được Công ty C xác nhận ngày 24/8/2011; Văn bản ghi ngày 15/8/2011 “v/v xác nhận công nợ đến ngày 23/8/2011” và được Công ty C xác nhận ngày 24/8/2011, thể hiện:

- Ngày 11/10/2011, Công ty C có văn bản gửi P đề nghị được thanh toán phí bảo hiểm còn nợ của năm 2009 và của năm 2010, mỗi tháng là 50.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30/11/2011 đến khi thanh toán hết.

- Ngày 20/10/2011, giữa P và ông Lê Xuân N là người đại diện theo pháp luật của Công ty C có lập biên bản làm việc cùng ngày trong đó có thể hiện nội dung về việc P ghi nhận đề xuất của Công ty C về phương án thanh toán các khoản phí bảo hiểm còn nợ của năm 2009 và của năm 2010 như trên và sẽ có văn bản trả lời có chấp nhận hay không. Nhưng sau đó cho đến nay P không có văn bản không trả lời cho Công ty C.

Do vậy, xác định ngày 20/10/2011 là “ngày phát sinh tranh chấp” để bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện của P đối với Công ty C về các khoản nợ phí bảo hiểm của năm 2009 và của năm 2010.

[3.3] Về xác định thời điểm khởi kiện:

Căn cứ Điều 336 của Luật Hàng hải năm 2005 quy định “Thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải là 02 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp”, nên tính từ ngày 20/10/2011 là “ngày phát sinh tranh chấp” đến ngày Tổng Công ty Bảo hiểm nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 22/9/2014 là đã quá thời hiệu khởi kiện “2 năm” theo quy định. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của P cho rằng quan hệ tranh chấp giữa các bên không thuộc trường hợp áp dụng thời hiệu là không có cơ sở. Việc cấp sơ thẩm ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện là phù hợp.

Căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận việc kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 144/2019/QĐST – KDTM ngày 18-9-2019, Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh

2. Về án phí phúc thẩm: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005150 ngày 08/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Ngô Thanh Nhàn